

Số: 57 /BC-THCSBC

Thuận Giao, ngày 27 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn.

2. Địa chỉ: 195/7, Bình Chuẩn 16, Kp Bình Phú, phường Thuận Giao, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 02743.88.22.88

- Website: <https://thcsbinhchuan.pgdtphuanan.edu.vn/>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Hệ công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Sứ mệnh: Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có dân chủ, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân. Làm cho mọi học sinh đều thấy rằng: Mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại. Nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới thành tích cao trong sự phát triển và không ngừng hoàn thiện về trí tuệ và nhân phẩm.

Giá trị cốt lõi: Biết vượt khó trong học tập; Có tính kiên trì và nhẫn nại; Có lối sống lành mạnh, biết ứng xử tốt trong mọi tình huống; Có lập trường tư tưởng vững vàng, có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; Khoẻ mạnh cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ. Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Quá trình hình thành và phát triển của Trường THCS Bình Chuẩn:

Trường THCS Bình Chuẩn thuộc địa phận Phường Thuận Giao (trước đây thuộc địa phận Phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương).

Trường được thành lập năm 1978 theo QĐ số: 217/UB/QĐ của UBND Huyện Thuận An ngày 2/10/1978. Tên trường là Trường cấp 1-2 Bình Chuẩn. Đến năm 1995 trường được tách cấp 1 riêng và thành lập trường THCS Bình Chuẩn đến nay. Năm 2010 trường được xây mới với diện tích hơn 6765 m² và chính thức đưa vào hoạt động từ đầu năm học 2010-2011.

Từ tháng 7 năm 2021, trên địa bàn phường Bình Chuẩn có thêm 01 trường THCS Bình Chuẩn 2, cho nên trường THCS Bình Chuẩn được di dời về cơ sở mới tại địa chỉ 195/7, khu phố Bình Phú, phường Thuận Giao, thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương), với diện tích hơn 18.184,7 m² và chính thức đưa vào hoạt động từ đầu năm học 2021-2022.

Từ ngày 1/7/2025, Trường được thành lập năm theo Quyết định số: 30/QĐ-UBND ngày 11/7/2025 của UBND phường Thuận Giao về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn trực thuộc UBND phường Thuận Giao trên cơ sở tổ chức lại Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn trực thuộc UBND thành phố Thuận An.

Hiện tại nhà trường có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại với đầy đủ các phòng chức năng. Khuôn viên nhà trường rộng rãi, thoáng mát để học sinh thỏa sức vui chơi. Mỗi phòng học đều được đầu tư trang thiết bị hiện đại như mạng Internet, màn hình tivi, bàn ghế chuẩn đáp ứng nhu cầu dạy và học. Các lớp học đều được trang trí, sắp xếp gọn gàng, góc thư viện thân thiện, cây xanh, bình nước đảm bảo vệ sinh. Ngoài ra trường còn có phòng thư viện xanh, phòng y tế, phòng dạy Tin học, phòng Âm nhạc, phòng Mĩ thuật được trang bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu dạy và học hiện nay.

Tổ chức bộ máy nhà trường được chia làm 08 tổ gồm: 07 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng gồm 94 cán bộ giáo viên nhân viên.

Tổng số học sinh toàn trường là 3183/ 1599 nữ chia thành 71 lớp (bình quân mỗi lớp 45 học sinh).

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Đỗ Minh Thành - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn, 195/7, Bình Chuẩn 16, khu phố Bình Phú, phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 0913649499
- Email: thanhdm.thcsbc@ta.sgdbinhduong.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường: Trường được thành lập năm 1978 theo QĐ số: 217/UB/QĐ của UBND Huyện Thuận An ngày 2/10/1978. Tên trường là Trường cấp 1-2 Bình Chuẩn. Đến năm 1995 trường được tách cấp 1 riêng và thành lập trường THCS Bình Chuẩn đến nay. Năm 2010 trường được xây mới với diện tích hơn 6765 m² và chính thức đưa vào hoạt động từ đầu năm học 2010-2011.

Từ tháng 7 năm 2021, trên địa bàn phường Bình Chuẩn có thêm 01 trường THCS Bình Chuẩn 2, cho nên trường THCS Bình Chuẩn được di dời về cơ sở mới tại địa chỉ 195/7, khu phố Bình Phú, phường Thuận Giao, thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương), với diện tích hơn 18.184,7 m² và chính thức đưa vào hoạt động từ đầu năm học 2021-2022.

Từ ngày 1/7/2025, Trường được thành lập năm theo Quyết định số: 30/QĐ-UBND ngày 11/7/2025 của UBND phường Thuận Giao về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn trực thuộc UBND phường Thuận Giao trên cơ sở tổ chức lại Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn trực thuộc UBND thành phố Thuận An.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường:

Quyết định số 72/QĐ-PGDĐT ngày 27/02/2025 của Phòng GD&ĐT thành phố Thuận An về việc Kiện toàn Hội đồng trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn nhiệm kỳ 2021-2025;

Chủ tịch Hội đồng trường: Đỗ Minh Thành

Thành viên Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trường
1	Đỗ Minh Thành	Bí thư chi bộ	- Chủ tịch hội đồng
2	Nguyễn Văn Nuôi	Phó Hiệu trưởng	- Thành viên
3	Trần Lê Nhật Thảo	Chủ tịch công đoàn cơ sở- Phó Hiệu trưởng	- Thành viên
4	Nguyễn Thị Thu Trang	Bí thư Đoàn TNCS	- Thành viên
5	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Đại diện UBND phường Bình Chuẩn	- Thành viên
6	Nguyễn Trúc Thanh	Trương Ban đại diện CMHS	- Thành viên
7	Phan Mẫn Nghi	Đại diện học sinh	- Thành viên
8	Đặng Thị Nhạn	Tổ trưởng tổ Văn phòng	- Thành viên
9	Văn Trung Chánh	Tổ trưởng tổ Toán	- Thành viên
10	Thái Trương Hương Thảo	Tổ trưởng tổ Ngữ Văn	- Thành viên
11	Trần Trung Hậu	Tổ trưởng tổ GDTC	- Thành viên
12	Lê Thị Thu Thủy	Tổ trưởng tổ Khoa học tự nhiên- Công nghệ	- Thành viên

13	Đặng Thị Tố Lan	Tổ trưởng tổ Lịch sử- Địa lý	- Thành viên
14	Nguyễn Thị Mỹ Loan	Tổ trưởng tổ Nghệ thuật- GD&ĐT	- Thành viên
15	Phan Nguyễn Duyên Anh	Tổ trưởng tổ Tiếng Anh	- Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường THCS Bình Chuẩn: ông Đỗ Minh Thành, Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 11/07/2025 của Chủ tịch UBND phường Thuận Giao;

Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng:

+ Ông Nguyễn Văn Nuôi, Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 11/07/2025 của Chủ tịch UBND phường Thuận Giao;

+ Bà Trần Lê Nhật Thảo, Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 11/07/2025 của Chủ tịch UBND phường Thuận Giao;

d) Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

+ 01 Hội đồng trường với 15 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 29 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 94 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 20 đoàn viên

+ Ban đại diện CMHS có 21 thành viên.

+ Có 07 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Đỗ Minh Thành	Hiệu trưởng	0913649499	thanhdm.thcsbc@ta.sgdbinhduong.edu.vn
2	Nguyễn Văn Nuôi	Phó Hiệu trưởng	0979616700	nuoinv.thcsbc@ta.sgdbinhduong.edu.vn
3	Trần Lê Nhật Thảo	Phó Hiệu trưởng	0918606070	thaotln.thcsbc@ta.sgdbinhduong.edu.vn

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

File Excel đính kèm

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất**

TT	Chỉ số đánh giá	báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Diện tích đất	18184.7m ²	18184.7m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	6.11 m ²	5.57 m ²
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt		
4	Số đầu sách	515	515
5	Số bản sách/người học	16799/3179	16799/2900

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trường THCS Bình Chuẩn	195/7. Bình Chuẩn 16, Kp Bình Phú, phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh	18184.7m ²	17737.39m ²

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới	0	0
2	Nâng cấp	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
	Tổng cộng	0	0

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Tên tổ chức kiểm định: Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn, tên viết tắt là: Trường THCS Bình Chuẩn

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản hướng dẫn của Bộ và của Sở Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục - Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

Trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2018-2023, năm học 2025-2026 nhà trường đã đăng ký đánh giá ngoài vào tháng 02/2026.

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thực hiện nguyên lý giáo dục “Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, lí luận gắn liền với thực tiễn”. Trường THCS Bình Chuẩn đề ra và thực hiện kế hoạch, tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém/chưa đạt cũng được quan tâm đúng mức.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp của BGD&ĐT. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: Tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi hằng năm đều tăng; học sinh giỏi các cấp mỗi năm đều được duy trì về số lượng và chất lượng.

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyển đi	Chuyển đến	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
6	21	925	21	894	4	0.4	Về quê	28	1	31
7	21	921	21	908	1	0.1	Về quê	12	0	13
8	14	636	14	614	5	0.7	Về quê, đi học nghề	20	3	22
9	12	494	12	484	4	0.8	Về quê, đi học nghề	7	1	10
Tổng	68	2976	68	2900	14	0.47		67	5	76

Sĩ số học sinh cuối năm học 2024 -2025

Chất lượng giáo dục- Năm học 2024-2025 cụ thể:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9

I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	2900	894	908	614	484
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	89%	89.9%	96.4%	83.4%	80.8%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	10.8%	10.1%	3.6%	15.8%	19.2%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.2%	0%	0%	0.8%	0 %
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	2900	894	908	614	484
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	24.9%	29%	29.2%	21%	14.3%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	30.1%	29.5%	36.5%	26.5%	23.7%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	42.6%	37.9%	33.7%	47.2%	62%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	2.4%	3.6%	0.7%	5.2%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2900	894	908	614	484
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	97.6%	96.4%	97.60%	94.8%	100%
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)	7.8%	9.4%	9.6%	6.7%	3.1%
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)	17.1%	19.6%	19.6%	14.3%	11.2%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	4.7%	6.5%	1.8%	10%	0.2%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2.4%	3.6%	0.7%	5.2%	0%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	0	0	0	0	0
1	Cấp tỉnh/ thành phố	7	0	0	0	7
2	Quốc gia, khu vực một số	0	0	0	0	0

	nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	484	0	0	0	484
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	484	0	0	0	484
VII	Số học sinh nữ	1449	419	482	316	232
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	116	44	37	23	12

Năm học 2024- 2025 số học sinh lưu ban là 70.

Số học sinh được công nhận xét và công nhận tốt nghiệp (02 lần): 484/484 đạt 100%.

Số học sinh tham gia dự thi TS lớp 10 THPT 388/ 484 (80.2%), số học sinh đầu vào THPT công lập: 260/388 (66.75%).

Kết quả các hội thi, kỳ thi, cuộc thi

+ Đối với học sinh

Cấp Tỉnh:

Học sinh giỏi bậc THCS khối 9 cấp tỉnh: Đạt 7 giải trong đó có 2 giải nhất (môn sinh: Em Trần Ngọc Bảo Châu, em Trần Bảo Trâm), 1 giải nhì (em Dương Anh Khoa – môn sinh), 1 giải ba (em Nguyễn Phương Thảo – môn Địa lý) và 3 giải khuyến khích (1 Địa, 1 Anh và 1 tin học).

Hội thi IOE cấp tỉnh có 16 hs đạt giải trong đó có 1 giải II, 7 giải III và 8 giải Khuyến khích; cấp thành phố có 2 giải II, 6 giải III và 24 giải Khuyến khích.

Tham gia cuộc thi đấu trường VIOEDU cấp tỉnh đạt 2 giải Bạc, 1 giải Khuyến khích.

Dự thi Olympic tiếng Anh có 1 học sinh đạt giải Khuyến khích cấp tỉnh;

01 Học sinh đạt giải Nhì Bảng B trong hội thi Tin học trẻ cấp Tỉnh và Giải Nhì vòng Khu vực Hội thi Tin học trẻ toàn quốc lần thứ XXXI năm 2025.

Đạt giải Nhì Hội thi Tiếng hát “Chú Ve con” thành phố Hồ Chí Minh năm 2025.

Cấp Thành phố:

Thi Olympic tiếng Anh cấp Thành phố có 1 giải Khuyến khích và 02 học sinh được công nhận HSG. Thi hùng biện tiếng Anh do thành đoàn tổ chức đạt giải III. Tham gia thi Chung sức vươn cao "Hào khí vua Hùng - Thiếu nhi tiếp bước" đạt giải III thành phố. Dự thi khoa học kỹ thuật 03 sản phẩm: đạt 02 giải Khuyến khích cấp Thành phố.

Hội khỏe Phù đồng cấp Thành phố đạt giải Khuyến khích toàn đoàn, tập thể: 1 giải I; 1 giải II, 2 giải III; Cá nhân Đơn: 2 giải I, 6 giải II, 1 giải III. Đôi: 1 giải II, 01 giải III.

Tham gia các phong trào, các hội thi do các ban ngành đoàn thể phát động. Cụ thể như sau: Đạt 01 giải Ba Hội thi Chúng em kể chuyện Bác Hồ thành phố Thuận An năm 2025; Tin học trẻ cấp tỉnh đạt 1 nhất bảng D2, 1 giải ba và 2 giải khuyến khích; Hội thi lung linh sắc màu trung thu thành phố Thuận An: 1 giải Nhì lồng đèn đẹp và 1 giải Khuyến khích cộ đèn đẹp; Hội thi tiếng hát Hoa Mi thành phố đạt 2 giải nhất, 1 giải nhì, 1 giải ba và 1 giải Khuyến khích; Hội thi nghi thức đội đạt 1 giải Khuyến khích nghi thức, 1 giải nhì và 1 giải Khuyến khích chỉ huy đội giỏi; Hội thi sáng tạo dụng cụ vui để học đạt 1 giải Nhì cấp thành phố. Phong trào hồi sinh võ sữa đạt 1 giải Nhất học kỳ 1 và 1 giải Nhì học kỳ 2.

Đôi với giáo viên

Có 01 giáo viên được tuyên dương “Gương điển hình tiên tiến” ngành giáo dục Bình Dương giai đoạn 2020-2025: Cô Hoàng Thị Thái.

Tham gia giải bóng chuyền truyền thống ngành giáo dục tỉnh Bình Dương đạt hạng I có 01 GV được khen thưởng.

Tham gia Hội thi E-Learning cấp thành phố đạt 1 giải nhì và 2 giải KK; cấp tỉnh đạt 1 giải KK.

Tham gia hội thi tìm hiểu “Lịch sử văn hóa Lái Thiêu-Thuận An đất và người” đạt 1 giải Nhì; Thi tìm hiểu truyền thống 80 năm ngày thành lập QĐND Việt Nam và 35 năm ngày hội Quốc phòng toàn dân đạt 1 giải nhì cấp Tỉnh, đạt giải khuyến khích của Cục chính trị Quân khu 7. Thi tìm hiểu Lịch sử Đảng bộ Thuận An đạt 01 giải KK.

Có 28 giáo viên đạt GV dạy giỏi và 04 giáo viên đạt GVCN giỏi cấp trường. Cấp thành phố có 2 GVDG và 2 GVCN giỏi.

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp	
1.1	Học phí	1,593
1.2	Thu sự nghiệp	285
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	

a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Học phí	1,593
	Thu sự nghiệp	285
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (13)	18,794
	- Bỏ sung từ nguồn CCTL của tỉnh (14)	-
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	4,481
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP
NĂM 2025 (Đến ngày 30/6/2025)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Dự toán năm trước chuyển sang	41,665,024	
	Trong đó: - Trong khoản	41,665,024	
	- CCTL	-	
	- Ngoài khoản	-	
	- Sửa chữa	-	
	- Mua sắm (Trang bị PCCC)	-	
I	Dự toán được giao năm 2025	23,275,000,000	
	Trong đó: - Trong khoản	18,794,000,000	
	- CCTL		
	- Ngoài khoản	4,481,000,000	
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		
II	Tổng dự toán điều chỉnh giảm	120,000,000	
	Trong đó: - Trong khoản		
	- CCTL		
	- Ngoài khoản		
	- Dự toán giữ lại (nguồn)	120,000,000	
	- Mua sắm		
II	Tổng dự toán được sử dụng năm 2025	23,155,000,000	
	Trong đó: - Trong khoản	18,674,000,000	
	- CCTL		
	- Ngoài khoản	4,481,000,000	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)	120,000,000	

	- Mua sắm		
III	Tổng kinh phí đã sử dụng đến ngày 30/6/2025		
	Trong đó: - Trong khoán (chi tiết đính kèm)	9,465,132,631	
	- CCTL		
	- Ngoài khoán (chi tiết đính kèm)	4,318,507,651	
	- Ngoài khoán		
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		
IV	Tổng kinh phí còn tại KBNN		
	Trong đó: - Trong khoán	9,250,532,393	
	- CCTL		
	- Ngoài khoán	162,492,349	
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm	41,665,024	

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2025
(Học phí 6 tháng đầu năm 2025)

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
I	Quyết toán thu			
A	Tổng số thu	-	-	
1	Số thu phí, lệ phí	1,615,000,000	1,615,000,000	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		-	
3	Thu sự nghiệp khác		-	
B	Chi từ nguồn thu được để lại	1,200,690,248	1,200,690,248	-
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	896,401,045	896,401,045	
1.1	Chi sự nghiệp.....	267,269,615	267,269,615	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	267,269,615	267,269,615	
	Chi lương	258,024,059	258,024,059	
	Chi vật tư văn phòng,.....	9,245,556	9,245,556	
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở		-	
	Chi mua báo tạp chí của Đảng		-	
	Chi trợ cấp cấp ủy		-	
	Chi tiền tết		-	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-	
1.2	Chi quản lý hành chính	629,131,430	629,131,430	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	629,131,430	629,131,430	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		-	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	103,881,374	103,881,374	
3	Hoạt động sự nghiệp khác	200,407,829	200,407,829	
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	177,981,829	177,981,829	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở	177,981,829	177,981,829	

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
	khác			
7750	Chi khác	22,426,000	22,426,000	
7799	Chi các khoản khác	22,426,000	22,426,000	
C	Số thu nộp NSNN		-	
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN		-	
1.1	Lệ phí		-	
	Lệ phí A		-	
	Lệ phí B			
				
1.2	Phí			
	Phí A			
	Phí B			
				
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo			

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
	chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 13	9,465,132,631	9,465,132,631	-
6000	Tiền lương	4,491,170,460	4,491,170,460	
6001	Lương theo ngạch, bậc	4,491,170,460	4,491,170,460	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ		-	
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	390,744,000	390,744,000	
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	390,744,000	390,744,000	
6100	Phụ cấp lương	2,029,396,260	2,029,396,260	
6101	Phụ cấp chức vụ	57,564,000	57,564,000	
6107	Phụ cấp độc hại		-	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1,375,340,580	1,375,340,580	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	5,616,000	5,616,000	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	590,875,680	590,875,680	
6250	Phúc lợi tập thể	7,500,001	7,500,001	
6299	Chi khác (tiền nước uống)	7,500,001	7,500,001	
6300	Các khoản đóng góp	1,303,834,986	1,303,834,986	
6301	Bảo hiểm xã hội	985,484,479	985,484,479	
6302	Bảo hiểm y tế	168,940,196	168,940,196	
6303	Kinh phí công đoàn	92,900,278	92,900,278	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	56,510,033	56,510,033	
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-	

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
6404	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ		-	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác		-	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	138,926,541	138,926,541	
6501	Tiền điện	116,436,681	116,436,681	
6502	Tiền nước	7,585,860	7,585,860	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	14,904,000	14,904,000	
6550	Vật tư văn phòng	110,679,662	110,679,662	
6551	Văn phòng phẩm	15,138,419	15,138,419	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	64,377,686	64,377,686	
6599	Vật tư văn phòng khác	31,163,557	31,163,557	
6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc	109,248,151	109,248,151	
6601	Cước phí điện thoại trong nước	-	-	
6605	Cước phí Internet, thư viện điện tử	13,200,000	13,200,000	
6606	Tuyên truyền, quảng cáo	42,632,440	42,632,440	
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	47,737,711	47,737,711	
6649	Khác	5,678,000	5,678,000	
6700	Công tác phí	6,000,000	6,000,000	
6701	Tiền vé máy bay, tàu xe		-	
6702	Phụ cấp công tác phí		-	
6703	Tiền thuê phòng ngủ		-	
6704	Khoản công tác phí	6,000,000	6,000,000	
6750	Chi thuê mướn	224,980,000	224,980,000	
6751	Chi thuê phương tiện vận chuyển	31,444,000	31,444,000	
6754	Thuê thiết bị các loại		-	
6757	Thuê lao động trong nước	97,216,000	97,216,000	

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ		-	
6799	Chi phí thuê mướn khác	96,320,000	96,320,000	
6900	Chi sửa chữa thường xuyên TSCĐ	58,973,000	58,973,000	
6907	Nhà cửa	24,000,000	24,000,000	
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	25,523,000	25,523,000	
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng (Máy photocopy)		-	
6916	Máy bơm nước		-	
6917	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính		-	
6921	Đường điện, cấp thoát nước		-	
6949	Các tài sản khác	9,450,000	9,450,000	
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	21,258,310	21,258,310	
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	21,258,310	21,258,310	
6999	Tài sản và thiết bị khác	-	-	
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	551,216,260	551,216,260	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn	4,464,000	4,464,000	
7004	Chi trang phục, đồng phục		-	
7012	Chi phí hoạt động chuyên môn	181,010,700	181,010,700	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	365,741,560	365,741,560	
7000	Mua sắm tài sản vô hình	-	-	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	-	-	
7750	Chi khác	21,205,000	21,205,000	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán	10,000,000	10,000,000	
7758	Chi hỗ trợ khác		-	

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
7761	Chi tiếp khách		-	
7764	Chi khen thưởng	-	-	
7799	Chi khác	11,205,000	11,205,000	
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu	-	-	
7951	Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập	-	-	
7952	Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp	-	-	
7953	Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị sự nghiệp	-	-	
7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp			
7850	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở			
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy			
	Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 14 CCTL	-	-	
6000	Tiền lương	-	-	
6001	Lương theo ngạch bậc	-	-	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
6100	Phụ cấp lương	-	-	
6101	Phụ cấp chức vụ	-	-	
6107	Phụ cấp độc hại	-	-	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	-	-	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	-	-	
	Phụ cấp thâm niên vượt khung,			

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
6115	phụ cấp thâm niên nghề	-	-	
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân			
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác (trợ cấp TT HC)			
6300	Các khoản đóng góp	-	-	
6301	Bảo hiểm xã hội	-	-	
6302	Bảo hiểm y tế	-	-	
6303	Kinh phí công đoàn	-	-	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	
	Nguồn kinh phí không tự chủ - Nguồn 12	4,318,507,651	4,318,507,651	
6050	Tiền công trả cho lao động hợp đồng	10,200,000	10,200,000	
6051	Tiền công trả cho lao động hợp đồng	10,200,000	10,200,000	
6100	Phụ cấp lương	3,962,733,391	3,962,733,391	
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	3,962,733,391	3,962,733,391	
6150	Học bổng và chi hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	11,100,000	11,100,000	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	11,100,000	11,100,000	
6449	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	114,634,260	114,634,260	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác (trợ cấp chế độ thực sĩ, 30% GV không đứng lớp, bảo vệ phục vụ, y tế, thư viện)	114,634,260	114,634,260	
6550	Vật tư văn phòng		-	
6599	Vật tư văn phòng khác		-	
6750	Chi phí thuê mướn	4,650,000	4,650,000	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	4,650,000	4,650,000	
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		-	
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin		-	
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn		-	

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
7004	Đồng phục, trang phục	-	-	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác		-	
7750	Chi khác	215,190,000	215,190,000	
7766	Cấp bù học phí	5,190,000	5,190,000	
7799	Tiền tết 2022, 20/11/2022	210,000,000	210,000,000	
	TỔNG CỘNG	4,318,507,651	4,318,507,651	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN HỌC PHÍ**NĂM 2025 (Đến ngày 30/06/2025)****(Chỉ thực hiện hết năm 2025)**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ chuyển sang (tại KBNN)	613,761,992	
II	Tổng số thu	1,615,090,000	
	- Thu học phí:	1,615,090,000	
III	Tổng kinh phí sử dụng	1,200,690,248	
IV	Tổng chi	1,200,690,248	
1.	Chi lương	258,024,059	
2.	Chi lương từ cấp bù học phí	-	
3.	Chi tiền báo Đảng quý 1+2/2025	-	
4.	Chi mua vật tư văn phòng từ cấp bù học phí	9,245,556	
5.	Phúc lợi tập thể	5,000,000	
6	Thông tin TT liên lạc	24,816,642	
7	Chi tiền điện	39,082,732	
8	Chi tiền sửa chữa bàn ghế	164,609,829	
9	Chi trích lập quỹ năm 2024	611,891,430	
10	Công tác phí	12,240,000	
11	Chi phí thuê mướn	39,982,000	
12	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	7,630,000	
13	Mua sắm tài sản vô hình	13,372,000	
14	Chi các khoản khác	14,796,000	
V	Tồn cuối kỳ - thời điểm ngày 30/06/2025 (Tồn tại KBNN)	1,028,161,744	

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2026
(HỌC PHÍ- 6 tháng đầu năm 2025, năm 2026 bỏ biểu này)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
I	Quyết toán thu		
A	Tổng số thu		
1	Số thu phí, lệ phí		
1.1	Học phí		
	Lương		
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt		
6003	Lương hợp đồng dài hạn		
	Phụ cấp lương		
6101	Phụ cấp chức vụ		
6107	Phụ cấp độc hại		
6112	Phụ cấp ưu đãi		
6113	Phụ cấp trách nhiệm		
6115	Phụ cấp thâm niên nghề		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung	-	
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	
6449	Phụ cấp khác	-	
	Các khoản đóng góp		
	Các khoản đóng góp theo lương		
6301	Bảo hiểm xã hội		
6302	Bảo hiểm y tế		
6303	Kinh phí công đoàn		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		
	Tổng cộng		

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Thu sự nghiệp khác		
B	Chi từ nguồn thu được để lại		
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
1.1	Chi sự nghiệp.....		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
1.2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Hoạt động sự nghiệp khác		
C	Số thu nộp NSNN		
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
1.1	Lệ phí		
1.2	Phí		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Hoạt động sự nghiệp khác		
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước		
1	Chi quản lý hành chính		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
2	Nghiên cứu khoa học		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>		

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	HỌC PHÍ		
6000	Lương		
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt		
6003	Lương hợp đồng dài hạn		
6100	Phụ cấp lương	-	
6101	Phụ cấp chức vụ		
6107	Phụ cấp độc hại		
6112	Phụ cấp ưu đãi		
6113	Phụ cấp trách nhiệm		
6115	Phụ cấp thâm niên nghề, Phụ cấp thâm niên vượt khung		
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		
6449	Phụ cấp khác		
6300	Các khoản đóng góp	-	
6301	Bảo hiểm xã hội		
6302	Bảo hiểm y tế		
6303	Kinh phí công đoàn		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		
	Phúc lợi tập thể	-	
6257	Chi tiền nước uống giáo viên		

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
	Chi thanh toán dịch vụ công cộng		
6501	Chi tiền điện		
	Văn phòng phẩm	-	
6552	Mua máy nóng lạnh		
6552	Loa kéo di động		
6599	chi mua cây lau nhà, chổi, giấy vệ sinh		
6599	chi mua cây lau nhà, chổi, nước rửa tây, nước lau sàn, túi rác		
6599	chi mua chổi, thùng đựng rác, bàn chải		
6599	Vật tư văn phòng khác	-	
	Chi thuê mướn	-	
6799	chi thuê làm băng rol lễ sơ kết HKI, băng rol chúc mừng năm mới		
6799	chi thuê làm băng rol		
	Chi sửa chữa	-	
6912	Chi sửa máy vi tính		
6913	chuyển trả tiền sửa máy photo		
6917	Chuyển trả tiền nâng cấp phần mềm kế toán HCSN MISA Mimoso.NET 2019, bảo trì phần mềm QLTS		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		
7001	Chi mua đồng hồ đo điện cho phòng thực hành môn Lý		
7049	Chi khác (sửa chữa bàn ghế hs)		
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở		
	Chi mua báo tạp chí của Đảng		
	Chi cấp ủy		
7750	Chi khác		

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
	Chi khác (tiền tết)		
7950	Chi trích lập các quỹ		
	Tổng cộng		

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN DTHT BUỔI 2 (nếu có)**NĂM 2025 (đến ngày 30/06/2025)**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ - cuối tháng 8 năm 2024 chuyển sang	29,740,526	
	Trong đó: - Dùng chi tu sửa CS vật chất điện nước	11,226,438	
II	Tổng thu:	745,677,000	
1	Thu tiền buổi 2 HKI Nh 2024-2025	661,512,000	
2	Thu tiền buổi 2 HKII NH 2024-2025	84,165,000	
III	Tổng chi:	745,677,000	
1	Nộp thuế 2% thu tiền buổi 2 HKI NH 2024-2025	13,230,240	
2	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKI Nh 2024-2025	518,625,408	
3	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKI Nh 2024-2025	64,828,176	
4	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKI Nh 2024-2025	35,655,497	
5	Thuế 2% phải nộp HKII NH 2024-2025	1,683,300	
6	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKII Nh 2024-2025	65,985,360	
7	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKII Nh 2024-2025	8,248,170	
8	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKII Nh 2024-2025	4,536,494	
9	Chi tiền mua quạt trần, bóng đèn.....	32,884,356	
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm 30/6/2025 (Tại KBNN)	0	
	Trong đó: - Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước (tồn tại KBNN)		

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU
NĂM 202.... (Đến ngày .../.../202...)

ĐVT:
đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ - cuối năm trước chuyển sang tại KBNN	195,885,740	
II	Tổng thu (BHXH chuyển về)	180,331,126	
III	Tổng số chi	77,751,208	
1	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs		
2	Chi tiền mua thuốc và trang thiết bị cho phòng y tế cho hs	73,844,000	
3	Chi tiền photo giấy khám sức khỏe cho hs đầu năm học 2024-2025	3,907,208	
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm .../.../202.... tại KBNN	298,465,658	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN PHÚC LỢI**NĂM 2025 (Đến ngày 30/6/2025**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	TÒN CUỐI NĂM 2024. CHUYỂN SANG	2,235,960	
II	Trích lập quỹ phúc lợi từ nguồn NSNN CUỐI NĂM 2024, ĐẦU NĂM 2025	61,189,143	
III.	Lãi tiền gửi		
IV	Tổng số được sử dụng năm 202....	63,425,103	
V	Tổng số chi trong năm 202....	62,404,000	
1	Chi tiền	21,000,000	
2	Chi tiền	18,000,000	
3	Chi tiền	1,404,000	
4	Chi tiền	22,000,000	
5	Chi tiền		
6	Chi tiền		
7	Chi tiền		
8	Chi tiền		
9	Chuyển tiền		
10	Chuyển tiền		
11	Chuyển tiền		
12	Chuyển tiền		
13	Chuyển tiền		
14	Chuyển tiền		
15	Chuyển tiền		
16	Phí chuyển		
VI	TÒN TẠI THỜI ĐIỂM 30/6/2025 tại KBNN	1,021,103	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN TÀI KHOẢN TẠI KHO BẠC
NĂM 2025 (Đến ngày 30/6/2025)

ĐVT:đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ (cuối năm 2024 chuyển sang) - Tại KBNN	462,436,563	
	Trong đó: - Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu còn lại	195,885,740	
	- Tiền buổi 2 còn lại Dừng để chi CSVC	10,904,948	
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	71,110,000	
	- Quỹ khen thưởng	70,599,915	
	- Quỹ phúc lợi	2,235,960	
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
	- Tiền OTTN		
	- Tiền thu vệ sinh trường lớp	-	
	- Tiền khen thưởng Sở chuyển	111,700,000	
II	Tổng số thu	506,051,840	
III	Tổng số chi	504,851,521	
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm 30/6/2025 (tồn tại KBNN)	463,636,882	
	Trong đó: - Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu còn lại	298,465,658	
	- Tiền buổi 2 còn lại Dừng để chi CSVC	6,315,292	
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	78,649,143	
	- Quỹ khen thưởng	79,185,686	
	- Quỹ phúc lợi	1,021,103	
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
	- Tiền OTTN		
	- Tiền thu vệ sinh trường lớp		
	- Tiền khen thưởng Sở chuyển		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học của Bộ GDĐT theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có và bố trí đội ngũ giáo viên giảng dạy có hiệu quả.

Nhà trường tổ chức dạy học môn Lịch sử và Địa lí, môn Nghệ thuật (Âm nhạc và Mỹ Thuật), Tin học, Ngoại ngữ 1, Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Giáo dục thể chất bảo đảm tương đương về thời lượng trong từng học kì.

Thực hiện đúng theo phân phối chương trình của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo gồm có 35 tuần thực học (học kỳ 1: 18 tuần, học kỳ 2: 17 tuần). Nhà trường dạy đầy đủ các môn học và thực hiện đúng quy định của Bộ GDĐT về chương trình, về số tuần trong học kỳ, số tiết trong từng môn dạy. Tất cả các bộ môn đều yêu cầu hoàn thành chương trình đúng thời gian quy định.

2. Việc thực hiện các phương pháp và hình thức dạy học; các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

a. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học.

Huy động giáo viên toàn trường thực hiện các giải pháp đổi mới phương pháp dạy học, tìm hiểu mô hình giáo dục mới áp dụng vào các tiết dạy.

Thực hiện tiết dạy trải nghiệm sáng tạo theo phân phối chương trình.

Chú trọng, phát huy tích cực các tiết học có thảo luận nhóm học sinh, đánh giá và nâng cao hiệu quả tiết học.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn đổi mới sinh hoạt theo hướng xây dựng nội dung bài dạy; Tổ chức và hướng dẫn các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch của tổ và triển khai thực hiện kế hoạch theo đúng quy định.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học được thực hiện hiệu quả góp phần thực hiện chuyển đổi số của ngành giáo dục hiện tại và thời gian tới.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chuyên môn xây dựng khung phân phối chương trình theo điều kiện thực tế của đơn vị, từ đó giúp giáo viên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong các hoạt động dạy học, từng bước hình thành phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

b. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá.

Triển khai cho toàn thể giáo viên Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông từ đó giúp giáo viên có định hướng về đổi mới hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Thực hiện chế độ lấy điểm và cho điểm: đã thực hiện theo đúng thông tư hướng dẫn, cập nhật điểm ở các tháng kịp thời vào phần mềm quản lý trường học của nhà trường và thông báo điểm cho phụ huynh học sinh biết kết quả học tập của con em mình.

Thực hiện việc kiểm tra đánh giá học sinh theo quy định, nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra học kỳ, không kiểm tra đánh giá đối với các nội dung được tinh giản.

Thực hiện ma trận, đặc tả đề kiểm tra định kỳ theo quy định.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh, học sinh về ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông. Từ đó, tạo sự đồng thuận của phụ huynh với quan điểm chủ trương của ngành, xóa đi tư tưởng mong muốn con em học xong trung học phải vào cao đẳng hoặc đại học, trong khi đó năng lực học tập của con em mình không có khả năng đạt tới.

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch công tác Hướng nghiệp và Phân luồng tuyển sinh từ đầu năm học.

Xây dựng trang thông tin, chuyên mục về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông; cập nhật dữ liệu, thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và thông tin, dữ liệu liên quan đến ngành, nghề; mô tả ngành, nghề và thông tin tuyển dụng, sử dụng lao động của từng ngành, nghề;

Đẩy mạnh và tăng cường phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho học sinh phổ thông trong các giờ sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp... và tổ chức các hoạt động như: Ngày hội tư vấn, hướng nghiệp; thi tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp;

Dựa vào năng lực của học sinh, các thầy, cô giáo chủ nhiệm phối hợp với giáo viên bộ môn định hướng cho học sinh đăng ký nguyện vọng vào các trường THPT phù hợp.

Định hướng cho các em được xét tốt nghiệp không tham gia thi tuyển sinh đăng ký vào các trường nghề.

Các tổ bộ môn trong trường đã đưa các nội dung hướng nghiệp và hoạt động giáo dục phù hợp với thực tiễn giảng dạy trong các tiết học, giờ dạy tích hợp.

4. Đánh giá việc thực hiện các phong trào thi đua

Công tác thi đua khen thưởng được quan tâm chú trọng từ khâu phát động thi đua đầu năm học và các đợt thi đua (chia làm 2 đợt trong năm học). Xây dựng qui chế thi đua, kế hoạch thi đua và triển khai đến toàn thể viên chức và người lao động trong đơn vị. Tổ chức các phong trào thi đua thiết thực, khá hiệu quả. Cuối năm tổ chức bình xét thi đua công khai, công bằng.

Kết quả:

Kết quả đánh giá viên chức cuối năm học 2024-2025, trường có: 18/91 CBGVNV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm tỉ lệ 19.5% và 71/91 CBGVNV hoàn thành tốt nhiệm vụ, tỉ lệ 78%.

Không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên, cụ thể:

TT	Nội dung	Kết quả đạt được trong 2 năm học	
		2023-2024	2024-2025
1	- Lao động tiên tiến	88	103
2	- Chiến sĩ thi đua cơ sở	21	31
Quyết định công nhận		QĐ số 7403/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	Đang chờ QĐ của cấp trên
3	- Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh	0	0
Quyết định công nhận		0	0
4	Số đề tài, giải pháp được các cấp công nhận		
	- Cấp thành phố	14	24
	Quyết định công nhận	QĐ số 4189/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	QĐ số 4307/QĐ-UBND ngày 06/06/2025
	- Cấp tỉnh	0	0
	Quyết định công nhận	0	0

Nhà trường đạt: Tập thể đề nghị Tập thể Lao động xuất sắc và đề nghị UBND Thành phố tặng Bằng khen.

5. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định.

Giáo dục đạo đức, lối sống thông qua các phong trào, cuộc thi do ngành Giáo dục và Đào tạo phát động như “Dạy tốt, học tốt”, “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức,

tự học và sáng tạo”, nhất là triển khai thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được đẩy mạnh với những việc học tập và làm theo ý nghĩa. Phong trào đã giúp đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh nâng cao nhận thức, ý thức, nỗ lực tự học tập, tu dưỡng bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong, lương tâm nghề nghiệp, trở thành những tấm gương sáng, đồng thời giúp học sinh có môi trường học tập thuận lợi để hoàn thiện nhân cách, đạo đức.

Sinh hoạt giáo dục đạo đức, lối sống của giáo viên thông qua các buổi họp hội đồng, triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên, ban hành quy tắc ứng xử, đạo đức nhà giáo trong nhà trường. Từ đó GVCN, GVBM thông qua các hoạt động ngoại khóa, GD NGLL, các buổi sinh hoạt tập thể từ khối 6 đến khối 9 của tất cả giáo viên chủ nhiệm và giáo viên được phân công phụ trách đã giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh một cách hiệu quả. Thường xuyên nhắc nhở học sinh thực hiện tốt văn hóa ứng xử trên không gian mạng.

Tổ chức tăng cường thực hiện tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục pháp luật; giáo dục phòng chống tham nhũng; chú trọng tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với việc biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục ATGT, giáo dục QP-AN.

Tổ chức tốt hoạt động “Tuần sinh hoạt tập thể” đầu năm học, quan tâm các lớp đầu cấp nhằm giúp học sinh làm quen với điều kiện học tập bậc THCS, sinh hoạt và tiếp cận phương pháp dạy học và giáo dục trong nhà trường.

Triển khai đầy đủ các văn bản có liên quan đến dạy thêm học thêm đến toàn thể Hội đồng sư phạm:

Công văn số 7291 /BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ GDĐT; Thông tư số 29/2024/TT- BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo; Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; Công văn số 138/SGDĐT-GDTrH ngày 14/01/2025; Công văn số 287/SGDĐT-GDTrHTX ngày 24/01/2025; Công văn số 475/SGDĐT-GDTrHTX ngày 19/02/2025; Công văn 590/SGDĐT-GDTrHTX ngày 28/02/2025; Công văn 999/SGDĐT-GDTrHTX ngày 08/04/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương về triển khai và thực hiện các quy định về dạy thêm, học thêm của Bộ GDĐT; Công văn số 62/PGDĐT ngày 28/02/2025; công văn số 134/PGDĐT ngày 16/05/2025 của phòng GDĐT.

Tiến hành cho 100% giáo viên thực hiện cam kết với nhà trường về việc không vi phạm quy định về dạy thêm học thêm. Đến nay nhà trường chưa nhận

được đơn thư tố cáo nào về việc dạy thêm trái quy định của giáo viên trong trường

6. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

BGH nhà trường luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đội ngũ giáo viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đồng thời khuyến khích giáo viên tự nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

Tất cả CBQL và giáo viên tham gia BDTX đầy đủ theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố.

Triển khai đến toàn thể giáo viên các văn bản mới của ngành như: Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

97,6% giáo viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy có trình độ chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn trong đó thạc sĩ: 2,4%, đại học: 95,2%; Còn 02 giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn, trong đó có 1 giáo viên đang tham gia nâng chuẩn và 1 lớn tuổi không tham gia nâng chuẩn.

GV Lịch sử, Địa lý, Sinh học, Hóa học, Vật lý tham gia đầy đủ khóa bồi dưỡng môn tích hợp Lịch sử-Địa lí, Khoa học tự nhiên do Sở GD tổ chức.

Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng do Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục tổ chức.

7. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng yêu cầu dạy học chương trình giáo dục phổ thông mới.

Khối phòng bộ môn (gồm 13 phòng : 02 phòng Sinh học + chuẩn bị, 02 phòng Vật lý + chuẩn bị, 01 phòng Hóa học + chuẩn bị, 01 phòng Công nghệ + chuẩn bị, 02 phòng Ngoại ngữ, 02 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật và 01 phòng Thiết bị giáo dục); khối nhà đa năng kết hợp nhà ăn và khu nghỉ trưa cho học sinh.

Các thiết bị, đồ dùng dạy học của các phòng bộ môn KHTN, Âm nhạc, Mỹ thuật được trang bị khá đầy đủ.

Số máy tính được trang bị cho 02 phòng tin học và 01 phòng ngoại ngữ tổng cộng có 144 máy tính học sinh và 4 máy GV.

Hiện tại trường mỗi phòng học được trang bị hệ thống loa phục vụ kiểm tra kỹ năng nghe môn tiếng Anh và tivi phục vụ công tác giảng dạy ứng dụng CNTT.

8. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục.

Thực hiện phân công các Phó Hiệu trưởng, phân công nhiệm vụ giáo viên

ngay từ đầu năm học.

Đảm bảo tổ chức giảng dạy theo đúng các môn và số tiết như quy chế chuyên môn quy định.

Thường xuyên tổ chức dự giờ thăm lớp, kiểm tra, thanh tra chuyên môn để góp ý và chấn chỉnh kịp thời việc vi phạm chuyên môn. Ứng dụng khá tốt CNTT vào công tác quản lý giảng dạy.

Chỉ đạo tăng cường hoạt động tổ khối, chú ý tổ chức các chuyên đề chuyên môn để nâng cao chất lượng giờ lên lớp.

Tăng cường công tác chủ nhiệm, kết hợp CMHS trong việc xây dựng nề nếp học tập của học sinh.

Đổi mới cách làm việc của Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và cả từng giáo viên bộ môn. Không chỉ quản lý con người mà là quản lý công việc, quản lý kế hoạch làm việc, mọi người làm việc tự giác và có hiệu quả thật sự.

Chia sẻ, động viên, giúp đỡ kịp thời và làm tốt công tác thi đua khen thưởng để động viên về mặt tinh thần cho giáo viên, nhân viên nhà trường. Tuy đây chỉ là những quan tâm nhỏ, nhưng thấy ban giám hiệu chăm lo và quan tâm thì giáo viên, nhân viên cũng an tâm và sẽ cống hiến nhiều hơn.

9. Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản trị cơ sở giáo dục, đổi mới công tác quản lý giáo dục

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học được thực hiện hiệu quả góp phần thực hiện chuyển đổi số của ngành giáo dục hiện tại và thời gian tới. Nhưng kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo viên chưa đồng đều, do các phòng chưa được trang bị thiết bị trình chiếu nên phần nào ảnh hưởng đến việc ứng dụng CNTT vào qua trình dạy học.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch 71/KH-THCSBC ngày 31/10/2024 về thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý và dạy học, thông qua website của trường tăng cường công khai các hoạt động giáo dục, thông tin kịp thời kết quả giảng dạy và học tập của nhà trường. Sử dụng có hiệu quả email điện tử (mỗi bộ phận lập một địa chỉ mail). Sử dụng tốt email điện tử trong báo cáo, thông tin hai chiều giữa các bộ phận trong nhà trường công đoàn cơ sở, chuyên môn (đặc biệt là thông tin giữa BGH và các tổ chuyên môn). Trường

đã kết nối internet, giúp giáo viên truy cập và download các file, tranh ảnh, video....Nhà trường được trang bị 46 tivi ở mỗi phòng học phục vụ cho công tác giảng dạy ngày càng tốt hơn nhằm đáp ứng giảng dạy theo phương pháp tích cực.

Công tác quản lý trong trường học, quản lý điểm, quản lý học sinh, sổ liên lạc điện tử, xếp thời khóa biểu, sổ điểm lớn, sổ đăng bộ, học bạ điện tử, quản lý văn bản... đã được sử dụng thông qua phần mềm "VnEdu".

Sử dụng phần mềm kế toán, quản lý thiết bị "Misa". Phần mềm "B.lib" trong quản lý thư viện và phần mềm thư viện số....

Lịch công tác hàng tuần, thông báo, đề cương ôn tập của học sinh, các hoạt động được cập nhật tại địa chỉ: <http://thcsbinhchuan.pgdtphuanan.edu.vn>. Cập nhật và xử lý văn bản đi đến thông qua địa chỉ <https://vpdt.vnptioffice.vn/qlvbdh> (Trước khi sát nhập chính quyền 2 cấp), <https://vpdt.hcm.edu.vn/qlvbdh>.

Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn do Sở Giáo dục tổ chức về triển khai sử dụng các phần mềm.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2025 của trường THCS Bình Chuẩn./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (Phòng QLCL);
- Lãnh đạo UBND phường Thuận Giao (để BC);
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Minh Thành

